

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10-6-2024

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lộc và bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 123/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt), sinh năm 1986. Hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Địa chỉ liên hệ: A P, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị M: Luật sư Phạm Hoàng G (có mặt), sinh năm 1991. Hộ khẩu thường trú: Khóm B, Phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Số C đường C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Trần Xuân B (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt), sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà _ trình bày:

Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Xuân B yêu nhau và bắt đầu sống chung từ đầu năm 2008, rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 059/2008 ngày 13/05/2008. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Trong thời gian sống chung, bà M và ông B có quá nhiều mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông B làm bốc vác ở C, thường xuyên ăn nhậu; Bà M thường xuyên bị ông B đánh đập, đe dọa nên bà M cảm thấy bất an và lo sợ,

chỉ mong sớm được ly hôn với ông B; Bà M và ông B đã ly thân từ năm 2019 cho tới nay. Sau khi ly thân, bà M đi làm xa khoảng 5 ngày đến 10 ngày thì về ở nhà mẹ 1 lần tại địa chỉ A đường P, Phường A, thành phố V. Vì vậy bà M yêu cầu được ly hôn ông B.

Về con chung: Bà M xác nhận có 3 con chung với ông B là Trần Trung K, sinh ngày 19/8/2017; Trần Duy L, sinh ngày 13/4/2012 và Trần Mai T, sinh ngày 20/10/2008. Bà M yêu cầu giao cả 3 con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng và bà M đồng ý cấp dưỡng nuôi 3 con chung, mỗi tháng là 2.000.000 đồng/1con, cho đến khi con đủ 18 tuổi, tính từ tháng 6 năm 2024 (ngày 10 hàng tháng).

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Luật sư Phạm Hoàng G trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Trần Xuân B; Về con chung: Giao cả 3 con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận bà M cấp dưỡng nuôi 3 con chung, mỗi tháng là 2.000.000 đồng/1con, cho đến khi con đủ 18 tuổi, tính từ tháng 6 năm 2024 (ngày 10 hàng tháng); Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về ý kiến của bị đơn: Trong quá trình tố tụng ông Trần Xuân B đã được Tòa án triệu tập họp nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt và không có ý kiến gì.

- Tại Biên bản xác minh ngày 16/4/2024 thì Công an xã P, huyện L cung cấp thông tin như sau: Ông Trần Xuân B có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại tổ A, ấp H, xã P, huyện L. Tại nhà ông B thì ông Ba chỉ sống cùng 3 người con của ông B là Trần Trung K, sinh ngày 19/8/2017; Trần Duy L, sinh ngày 13/4/2012 và Trần Mai T, sinh ngày 20/10/2008. Ngoài ra không có ai khác; Về mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Trần Xuân B, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1986 thì không rõ nhưng có thông tin là ông B và bà M đã sống ly thân, không còn tình cảm nên họ không còn ở chung với nhau.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M. Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà M, giao 3 con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà M là bà M cấp dưỡng nuôi 3 con chung, mỗi tháng là 2.000.000 đồng/1con, cho đến khi con đủ 18 tuổi, tính từ tháng 6 năm 2024 (ngày 10 hàng tháng). Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết và ông B không có ý kiến nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng cả 2 người có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông B tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Xét thấy, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông B là có thật, vợ chồng không có sự đồng cảm, quan tâm nhau nên đã sống ly thân, không hàn gắn được, mặc ai nấy sống. Như vậy, quan hệ hôn nhân của bà M và ông B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M.

[4] Về con chung: Bà M xác nhận có 3 con chung với ông B là Trần Trung K, sinh ngày 19/8/2017; Trần Duy L, sinh ngày 13/4/2012 và Trần Mai T, sinh ngày 20/10/2008. Bà M yêu cầu giao cả 3 con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng và bà M đồng ý cấp dưỡng nuôi 3 con chung, mỗi tháng là 2.000.000 đồng/1con, cho đến khi con đủ 18 tuổi, tính từ tháng 6 năm 2024 (ngày 10 hàng tháng).

Xét thấy: 3 con chung đang ở với ông B, mặt khác ông B không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà M nên không biết nguyện vọng của ông B, nên chấp nhận yêu cầu của bà M, giao 3 con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M là bà M đồng ý cấp dưỡng nuôi 3 con chung, mỗi tháng là 2.000.000 đồng/1 con, cho đến khi con đủ 18 tuổi, tính từ tháng 6 năm 2024 (ngày 10 hàng tháng).

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết và ông B không có ý kiến nên không xét đến.

[6] Về án phí: Bà M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51; 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị M.**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Trần Xuân B.

- Về con chung: Giao 3 con chung là Trần Trung K, sinh ngày 19/8/2017; Trần Duy L, sinh ngày 13/4/2012 và Trần Mai T, sinh ngày 20/10/2008 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà M: Bà M phải cấp dưỡng nuôi 3 con chung, mỗi tháng là 2.000.000 đồng/1con, cho đến khi con đủ 18 tuổi, tính từ tháng 6 năm 2024 (ngày 10 hàng tháng).

Bà M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04389 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền. Như vậy, bà M còn phải nộp 300.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, bà M và ông B có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Hưng, huyện Long Điền (Giấy kết hôn số 059/2008 ngày 13/5/2008);
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Đỗ Hữu Trí

